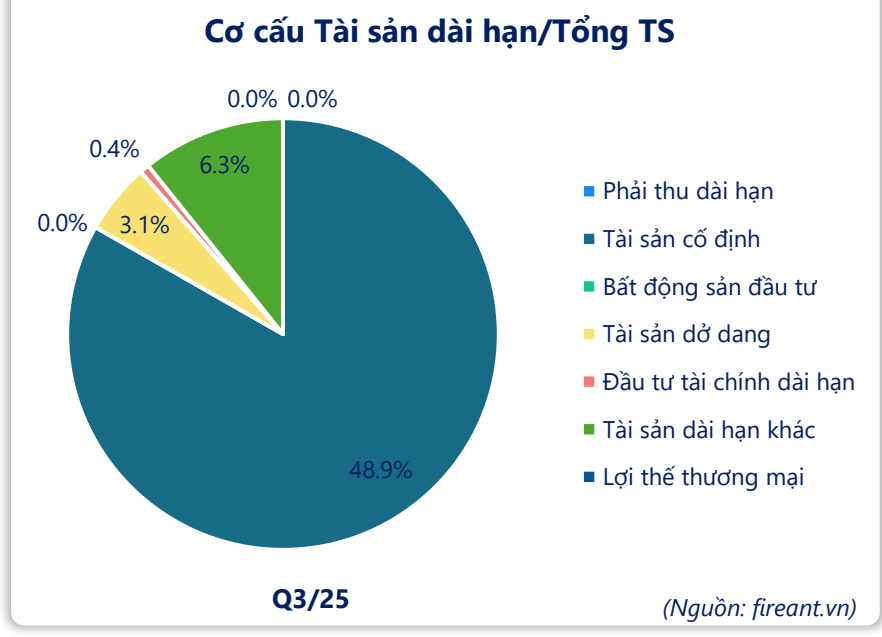
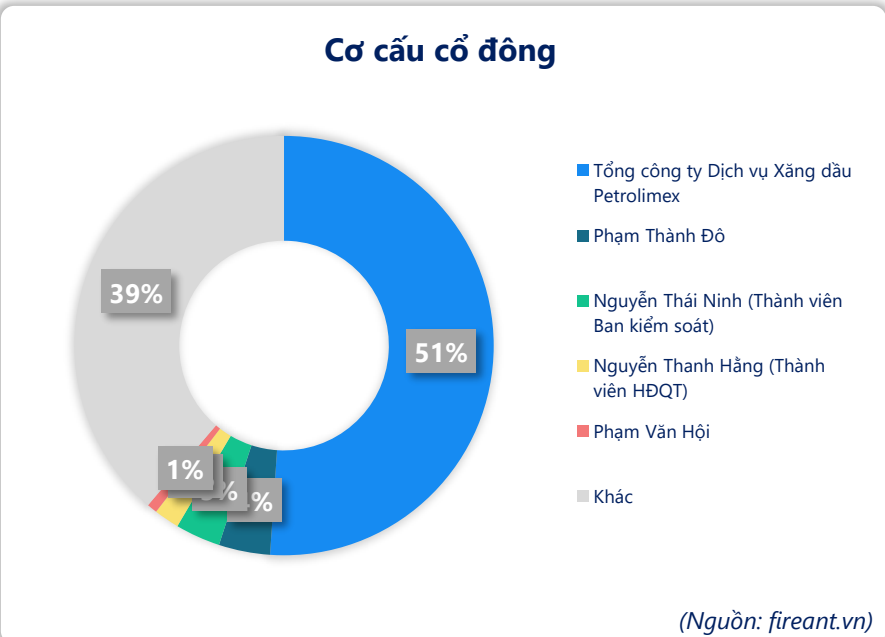
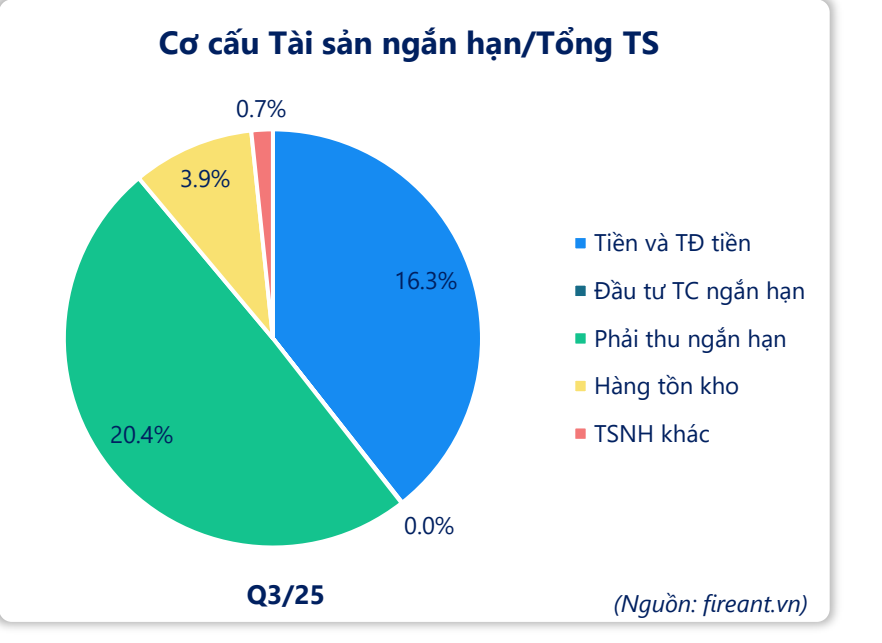
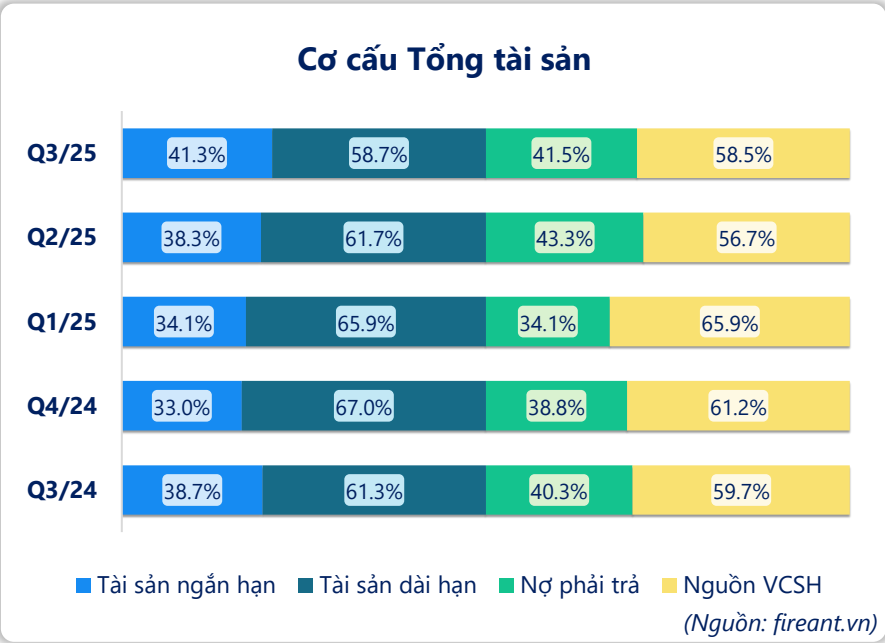
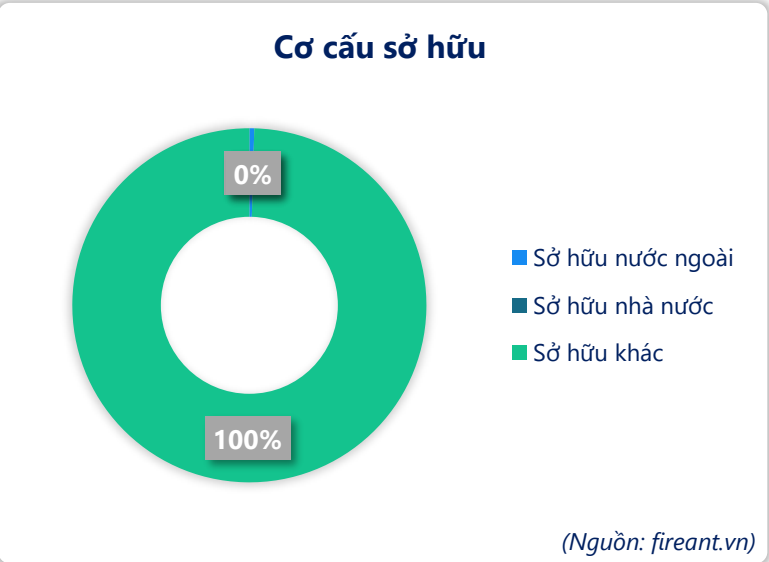
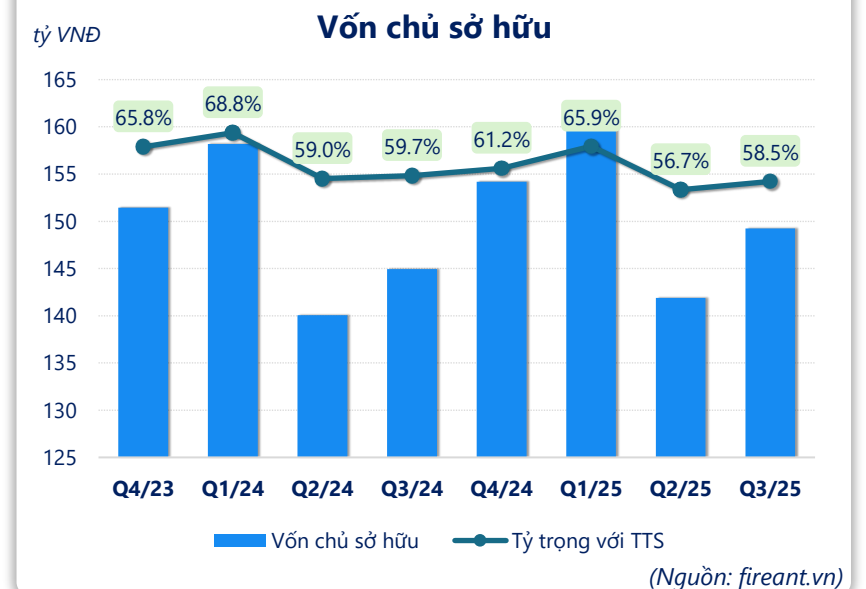
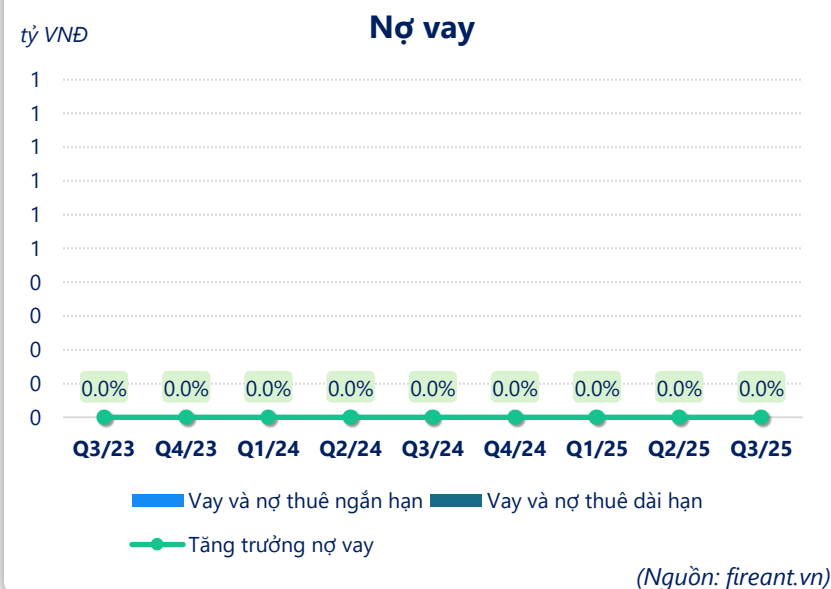
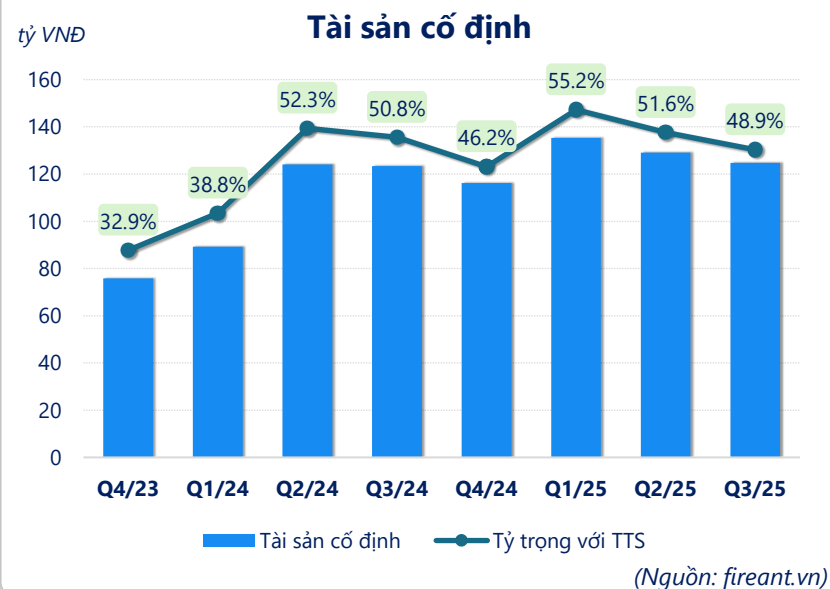
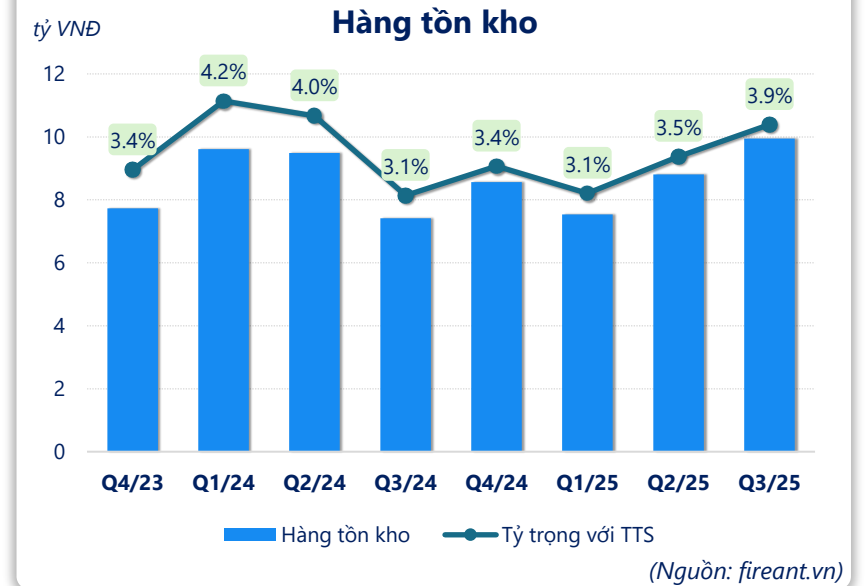
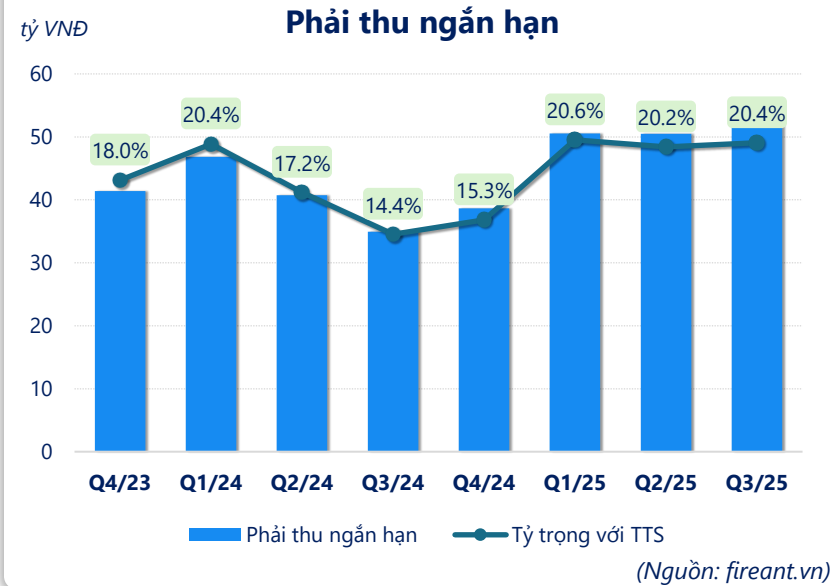
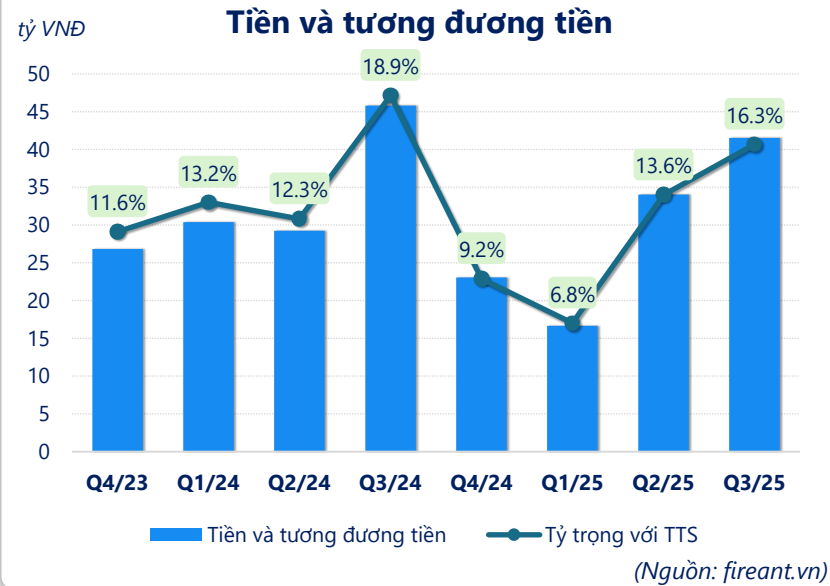
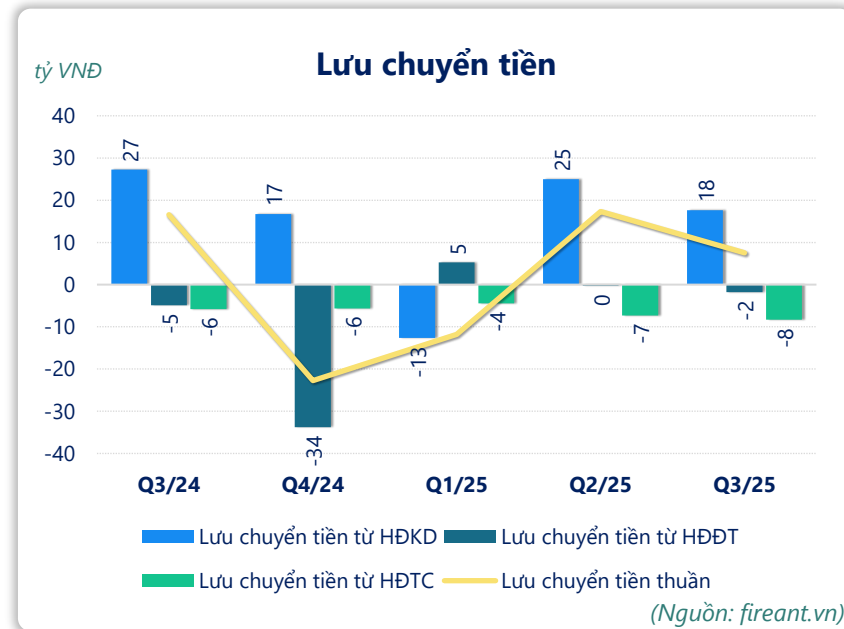
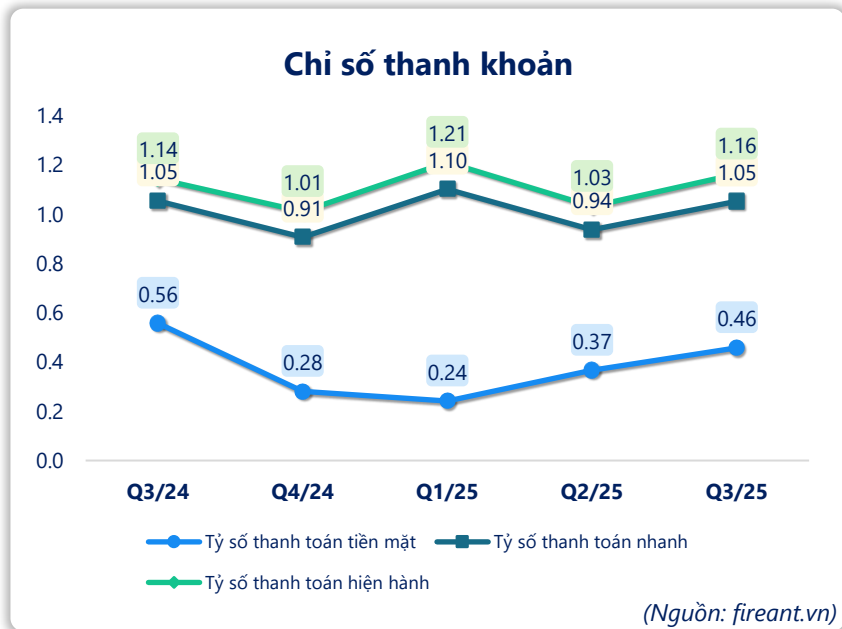
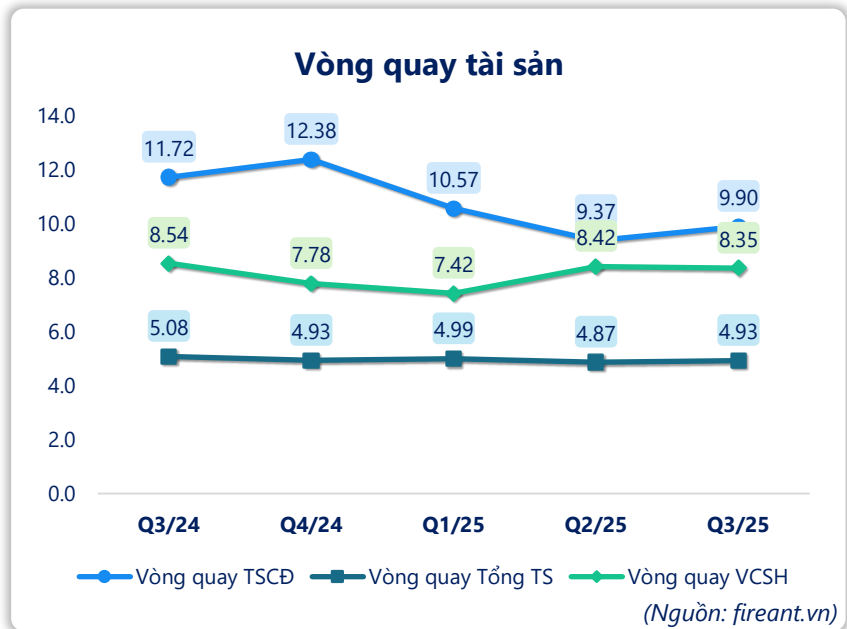
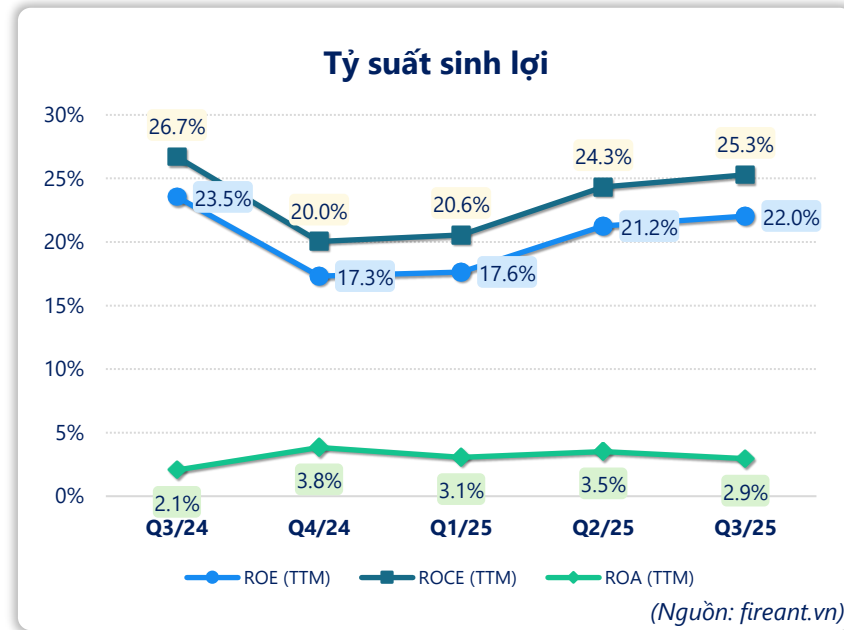
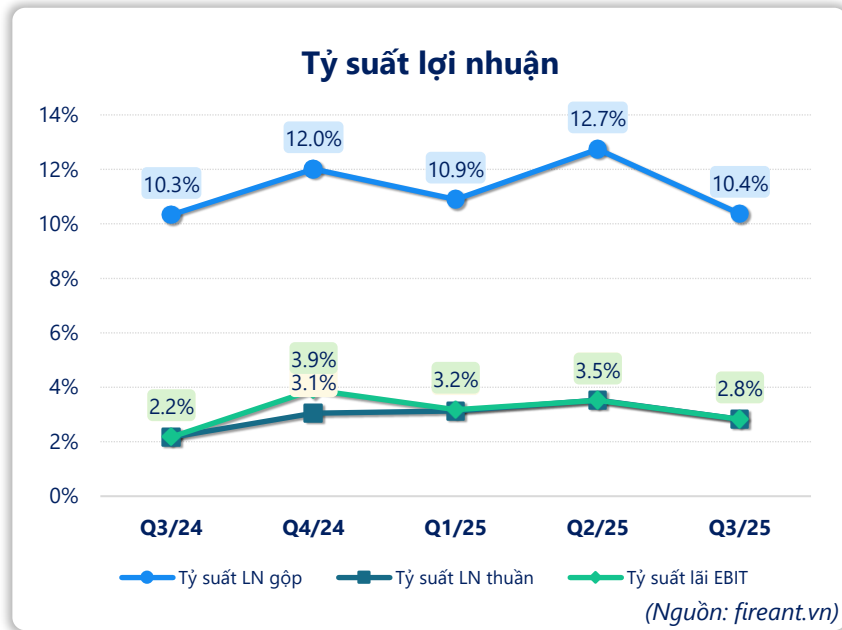
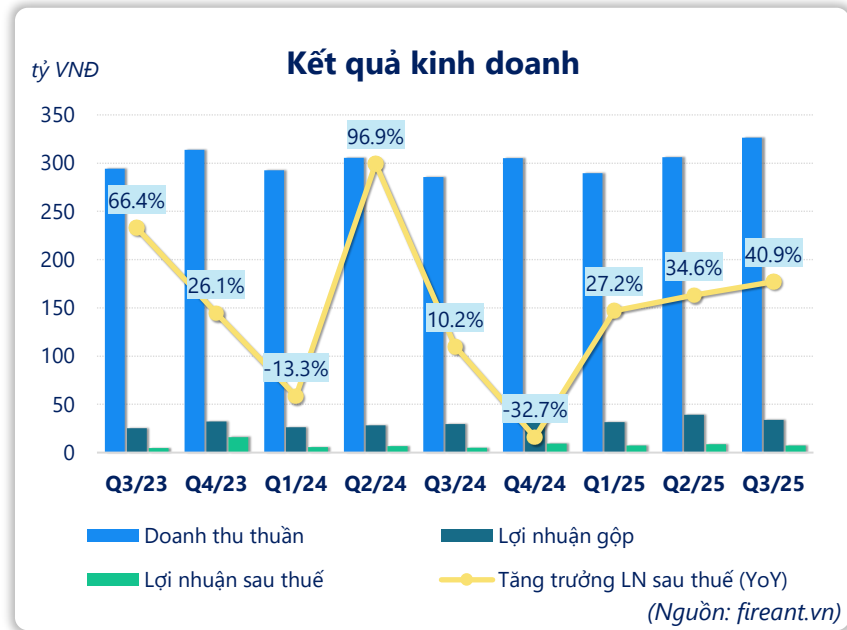


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		27,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		31,734
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		21,760
SL cổ phiếu LH		7,326,861
KLGD BQ 20 phiên (CP)		240
% sở hữu nước ngoài		0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		199
P/E		6.1
EPS		4,426

	YTD	1T	3T	6T
PJC	10.7%	3.8%	-6.2%	-2.7%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	255	252	1.4%
Tài sản ngắn hạn	105	83.1	26.9%
Tiền và tương đương tiền	41.5	23.1	80.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.05	10.4	-99.5%
Phải thu ngắn hạn	52.2	38.6	35.1%
Hàng tồn kho	9.94	8.56	16.1%
Tài sản ngắn hạn khác	1.75	2.43	-28.0%
Tài sản dài hạn	150	169	-11.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	125	116	7.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	7.94	33.4	-76.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.06	1.12	-5.6%
Tài sản dài hạn khác	16.1	18.0	-10.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	106	97.6	8.6%
Nợ ngắn hạn	90.7	82.2	10.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	19.3	17.0	13.5%
Nợ dài hạn	15.4	15.4	-0.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	149	154	-3.2%
Vốn chủ sở hữu	149	154	-3.2%
Vốn điều lệ	73.3	73.3	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	285	305	290	306	327
Giá vốn hàng bán	256	269	258	267	293
Lợi nhuận gộp	29.5	36.7	31.6	39.0	33.9
Doanh thu HĐTC	0.09	0.15	0.02	0.05	0.07
Chi phí TC	0.22	0.26	0.22	0.21	0.21
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	6.94	8.46	6.97	7.88	8.36
Chi phí QLDN	16.2	18.8	15.3	20.2	16.2
LN thuần từ HĐKD	6.18	9.32	9.05	10.8	9.22
Lợi nhuận khác	0.03	2.60	0.16	-0.04	0.01
LN trước thuế	6.20	11.9	9.21	10.8	9.23
Lợi nhuận sau thuế	4.86	9.24	7.28	8.57	7.34
LNST của CĐ cty mẹ	4.86	9.24	7.28	8.57	7.34

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	27.2	16.7	-12.6	25.0	17.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-4.92	-33.8	5.26	-0.28	-1.77
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-5.77	-5.62	-4.43	-7.35	-8.33
Tiền đầu kỳ	29.2	45.8	28.4	16.7	34.0
Lưu chuyển tiền thuần	16.6	-22.7	-11.8	17.3	7.53
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	45.8	23.1	16.7	34.0	41.5

(Nguồn: fireant.vn)